TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH BĐ**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

2. Ông Phạm Thành Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2022/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà 933/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn Kim Sơn, xã Ân Nghĩa, huyện HA, tỉnh BĐ; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Long Ph, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn Tuân Lễ, xã Phước Hiệp, huyện TP, tỉnh BĐ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Chị và anh Bùi Long Ph tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện TP, tỉnh BĐ vào ngày 27-02-2015. Sau khi kết hôn, chị và anh Phi sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Phi ham mê chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, chủ nợ nhiều lần

đến nhà quậy phá làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Thời gian đầu chị cố gắng trả nợ cho anh để anh sửa sai lo làm ăn nuôi con, nhưng anh Phi vẫn tính nào tật ấy không thay đổi. Sự việc kéo dài, chị không thể sống chung với anh Phi được nữa, chị đã về nhà cha mẹ ruột để ở từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Từ đó đến nay, anh Phi và chị mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Bùi Trần Trà M, sinh ngày 13/12/2015 và Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 16/11/2020, hiện cháu My đang ở với anh Phi, còn cháu Quân đang ở với chị, sức khỏe cháu bình thường. Hiện nay, chị không có mang thai. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Minh Q; giao cháu Trà M cho anh Phi trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Long Ph đã được Tòa án tống đạt thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ánh; giao cháu Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 16/11/2020 cho chị Ánh trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Trần Trà M, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Phi trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con. Tòa án nhân dân huyện TP đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa lần hai, bị đơn anh Bùi Long Ph vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Trần Thị A và anh Bùi Long Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện TP, tỉnh BĐ vào ngày 27-02-2015, nên hôn nhân giữa chị Trần Thị A và anh Bùi Long Ph là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị Ánh trình bày và các chứng cứ đã cung cấp thì trong quá trình chung sống từ năm 2020 đến nay, giữa chị Ánh và anh

Phi phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Phi ham mê chơi cờ bạc, chị đã cố gắng giúp anh Phi thay đổi để lo làm ăn nuôi con nhưng anh Phi không thay đổi được nên anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh Phi cũng không có động thái gì để làm thay đổi tình trạng đó; Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo nhưng anh Phi không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, có ý thức bỏ mặc; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ánh và anh Phi được ly hôn.

[4] Chị Ánh và anh Phi có 02 con chung tên Bùi Trần Trà M, sinh ngày 13/12/2015 và Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 16/11/2020, hiện cháu My đang ở với anh Phi, còn cháu Quân đang ở với chị Ánh, sức khỏe cháu bình thường. Khi ly hôn, chị Ánh có nguyện vọng được nuôi con Minh Q; cháu Trà M có nguyện vọng được anh Phi trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện của các bên, nguyện vọng cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 16/11/2020 cho chị Ánh trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Trần Trà M, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Phi trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ánh phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Bùi Long Ph.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 16/11/2020 cho chị Trần Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Bùi Trần Trà M, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Bùi Long Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị A phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006365 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh BĐ.

4. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BĐ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- UBND xã Phước Hiệp, huyện TP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Tú